

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTĐN
PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

TX, AK: 6
CK: 2

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 24311MH110502801

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: Châu Lê Sơn

Giám thị 2: Lê Trung Sơn

Giám thị 3: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 4:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006		1	9.5	Chín năm	C26TA	
2	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006		1	8.0	Tám không	C26TA	
3	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002		1	6.5	Sáu năm	C26TA	
4	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996		1	7.5	Bảy năm	C26TA	
5	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003		1	8.0	Tám không	C26TA	
6	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006		1	6.5	Sáu năm	C26TA	
7	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	✓	✓	✓	✓	C26TA	
8	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005		1	7.5	Bảy năm	C26TA	
9	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006		1	7.5	Bảy năm	C26TA	
10	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980		1	6.5	Sáu năm	C26TA	
11	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006		1	8.0	Tám không	C26TA	
12	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006		1	7.0	Bảy không	C26TA	
13	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006		1	7.0	Bảy không	C26TA	
14	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006		1	6.5	Sáu năm	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 13 vắng thi: 01, Số bài thi/Số tờ: 13 / 13.

Số sinh viên đạt: 13 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 08 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Kỳ

Ngày: 23 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 24311MH110502801

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên: _____

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: _____

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Hiệu	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006			8.3	Tám, ba	C26TA	
2	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006			7.3	Bảy, ba	C26TA	
3	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006			7.0	Bảy	C26TA	
4	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004			5.5	năm, năm	C26TA	
5	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006			9.8	Chín tám	C26TA	
6	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006			4.5	Bốn, năm	C26TA	
7	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006			6.5	Sáu, năm	C26TA	
8	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006			7.5	Bảy, năm	C26TA	
9	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006			10	Mười	C26TA	
10	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002			6.3	Sáu, ba	C26TA	
11	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004			3.0	Ba	C26TA	
12	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004			6.8	Sáu, tám	C26TA	
13	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006			6.3	Sáu, ba	C26TA	
14	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999			8.0	Tám	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 14 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 14 / 1.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 08 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quynh Hằng

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Thị Hồng Hạnh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 24311MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 5/6/2025 Giờ thi: 13:15 Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA		10	Mười	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA		10	Mười	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA		9.3	Chín, ba	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA		6.3	Sáu, ba	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA		5.3	Năm, ba	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA		8.5	Tám, năm	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA		5.0	Năm	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA		6.3	Sáu, ba	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA		8.3	Tám, ba	22
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA		10	Mười	
11	2410130029	Lê Hoàng	Nguyên	11/01/2006	C26TA				22
12	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA		6.5	Sáu, năm	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA		5.5	Năm, năm	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA		5.8	Năm, tám	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA		5.0	Năm	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA		9.5	Chín, năm	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA		10	Mười	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA		6.8	Sáu, tám	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA		9.5	Chín, năm	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA		9.5	Chín, năm	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA		6.5	Sáu, năm	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA		7.8	Bảy, tám	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA		8.5	Tám, năm	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA		6.3	Sáu, ba	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA		5.0	Năm	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA		7.5	Bảy, năm	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA	Tú	7.0	Bảy	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA	Việt	6.0	Sáu	
29	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA	Ý	5.0	Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 1. Số bài thi: 28 / _____.

Ngày: 5...tháng 6...năm 2025

Ngày: 5...tháng 6...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Đã > Phú Kta Kta


Đã > Phú Kta Kta

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 24311MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 5/6/2025 Giờ thi: Phòng thi:

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210130026	Đặng Nguyễn Kim Hằng	27/06/2004	C24TA				L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: . Số bài thi: 0 / .

Ngày 5 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 5 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

PHÒNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 24311MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 19/6 Giờ thi: 13.15 Phòng thi:

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>Đạt</i>	10	Mười	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>Hiếu</i>	10	Mười	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<i>Huy</i>	5.3	Năm, ba	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA	<i>Huy</i>	5.0	Năm	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>Huy</i>	5.0	Năm	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	8.5	Tám, năm	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>Hương</i>	5.0	Năm	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>Hỷ</i>	8.3	Tám, ba	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>Mỹ</i>	5.8	Năm, tám	L7
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>Ngọc</i>	10	Mười	
11	2410130029	Lê Hoàng	Nguyên	11/01/2006	C26TA				L2
12	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>Nhân</i>	6.2	Sáu, hai	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<i>Phú</i>	5.0	Năm	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>Phúc</i>	5.2	Năm, ba	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>Phượng</i>	5.0	Năm	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>Quỳnh</i>	9.8	Chín, tám	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>Thịnh</i>	8.0	Tám	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>Thông</i>	5.5	Năm, năm	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>Thu</i>	9.0	Chín	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>Thuận</i>	9.4	Chín, bốn	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>Thùy</i>	5.0	Năm	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>Thư</i>	5.0	Năm	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>Thương</i>	5.2	Năm, hai	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>Tiên</i>	5.0	Năm	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>Trang</i>	6.8	Sáu, tám	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>Trân</i>	8.2	Tám, hai	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA		5.0	Năm	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA		6.3	Sáu, ba	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA		5.0	Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 1. Số bài thi: 28 /

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Speaking 1 - MH1105028

Mã lớp học phần: 24311MH110502801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 19/6/2025 Giờ thi: 13-15 Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210130026	Đặng Nguyễn Kim Hằng	27/06/2004	C24TA				22

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: . Số bài thi: / .

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)